

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN SEMINAR LIÊN VĂN HOÁ VIỆT NAM – HÀN QUỐC TẠI KHOA NGÔN NGỮ VÀ VĂN HOÁ HÀN QUỐC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

THE CURRENT SITUATION AND SOLUTIONS TO IMPROVE THE QUALITY OF TEACHING THE VIETNAM-KOREA INTERCULTURAL SEMINAR COURSE AT THE FACULTY OF KOREAN LANGUAGE AND CULTURE, THE UNIVERSITY OF DANANG - UNIVERSITY OF FOREIGN LANGUAGE STUDIES

Bùi Tô Quỳnh Trang, Khương Diệu My*

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng, Việt Nam¹

*Tác giả liên hệ (Corresponding author): kdmy@ufl.udn.vn

(Nhận bài / Received: 01/3/2026; Sửa bài / Revised: 26/3/2026; Chấp nhận đăng/ Accepted: 01/4/2026)

DOI: 10.31130/ud-jst.2026.24(5B).261

Tóm tắt - Trong bối cảnh hội nhập quốc tế đang diễn ra ngày càng sâu rộng và mạnh mẽ tại Việt Nam, việc bồi dưỡng năng lực liên văn hoá cho người học ngày càng trở nên cần thiết. Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng dạy và học học phần Seminar Liên văn hoá Việt Nam – Hàn Quốc tại Khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng, đồng thời đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy trên cơ sở điều tra khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên, phân tích chương trình môn học, phương pháp tổ chức dạy học. Các đề xuất này kỳ vọng góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy học phần và đóng góp vào mục tiêu phát triển chung của chương trình đào tạo ngành ngôn ngữ Hàn Quốc trong giai đoạn mới.

Từ khóa - Năng lực liên văn hoá; học phần Seminar Liên văn hoá Việt Nam – Hàn Quốc; thực trạng giảng dạy; mức độ hài lòng của người học, đề xuất giải pháp

1. Đặt vấn đề

1.1. Tính cấp thiết

Trong bối cảnh kỹ nguyên toàn cầu hóa, năng lực liên văn hóa đã trở thành yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công trong môi trường quốc tế. Đặc biệt, Hàn Quốc đã xác định ngoại giao công chúng là chiến lược quan trọng từ sau năm 2010. Trong chiến lược ngoại giao công chúng của Chính phủ Hàn Quốc, việc chia sẻ văn hóa và tăng cường sự hiểu biết về Hàn Quốc là hai trong những nhiệm vụ then chốt [1].

Với chiến lược ngoại giao này, Hàn Quốc đã và đang tăng cường thúc đẩy mối quan hệ của mình với các nước khác trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Quan hệ hợp tác của hai nước Việt Nam – Hàn Quốc trong thời gian gần đây ngày càng phát triển mạnh mẽ đã tạo ra nhiều cơ hội về nguồn nhân lực tiếng Hàn làm việc tại các doanh nghiệp Hàn Quốc. Trong nghiên cứu của N. T. H. Xoan và C. Earl [2] đã chỉ ra rằng, cách thể hiện phép lịch sự giữa người Hàn Quốc và Việt Nam khi tham gia vào hoạt động giao tiếp liên văn hoá, cụ thể là khi tương tác trực tiếp với nhau tại nơi làm việc, hay như các yếu tố khác

Abstract - In the context of increasingly deep and dynamic international integration in Vietnam, fostering learners' intercultural competence has become an essential educational priority. This study examines the current state of teaching and learning in the Vietnam - Korea Intercultural Seminar Course at the Faculty of Korean Language and Culture, The University of Danang - University of Foreign Language Studies, and proposes solutions to enhance instructional quality. The analysis draws on student satisfaction survey data, a review of the course syllabus and learning outcomes, and an examination of instructional organization and teaching practices. The proposed recommendations are expected to improve the effectiveness of course delivery and to support the broader development goals of the Korean language program in the new phase.

Key words - Intercultural competence; the Vietnam-Korea Intercultural Seminar Course; the current teaching situation, learners' satisfaction level; proposed solutions

trong văn hoá Việt Nam và Hàn Quốc có sự khác nhau cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự khó khăn khi giao tiếp giữa các đồng nghiệp người Việt Nam và Hàn Quốc với nhau. Vì vậy, có thể thấy rằng nếu người học chỉ có năng lực ngoại ngữ tốt mà không có sự am hiểu về văn hoá Việt Nam và Hàn Quốc để xử lý các vấn đề phát sinh do sự khác biệt về văn hoá giữa hai nước thì khó có thể làm việc và phát triển lâu dài ở các doanh nghiệp Hàn Quốc. Trước tình hình thực tế như vậy, học phần “Seminar liên văn hóa Việt Nam - Hàn Quốc” tại Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng được xây dựng với mục tiêu trang bị kiến thức về văn hoá nói chung và giao tiếp liên văn hoá nói riêng cho người học, đồng thời thông qua hoạt động tổ chức lớp học ở hình thức seminar cũng giúp người học củng cố thêm các kỹ năng thuyết trình, phản biện về các vấn đề liên quan đến văn hoá của hai đất nước Việt Nam – Hàn Quốc. Vì vậy, việc nghiên cứu về học phần này là cần thiết để nâng cao chất lượng chương trình đào tạo, hỗ trợ tối đa các kiến thức về văn hoá cần thiết để người học có thể thích nghi tốt hơn với môi trường làm việc tại các doanh nghiệp Hàn Quốc sau này.

¹ The University of Danang - University of Foreign Language Studies, Vietnam (Bui To Quynh Trang, Khuong Dieu My)

1.2. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu này nhằm đánh giá một cách toàn diện thực trạng công tác dạy và học học phần “Seminar liên văn hóa Việt Nam – Hàn Quốc” tại Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của quá trình đào tạo.

Mục tiêu cụ thể được đặt ra của nghiên cứu này như sau:

Thứ nhất, phân tích và đánh giá thực trạng dạy - học học phần “Seminar liên văn hóa Việt Nam – Hàn Quốc” tại Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc.

Thứ hai, chỉ ra những ưu điểm, hạn chế và xác định các nguyên nhân, yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học hiện nay.

Cuối cùng, đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng dạy và học học phần “Seminar liên văn hóa Việt Nam – Hàn Quốc” tại Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc trong thời gian tới.

2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

Seminar được định nghĩa là một mô hình giáo dục tập trung vào làm việc theo nhóm nhỏ (thường khoảng 25 sinh viên), nơi người học thảo luận các vấn đề thực tiễn và tài liệu nghiên cứu dưới sự điều phối của giảng viên hoặc chuyên gia [3]. Mục tiêu của phương pháp này không chỉ dừng lại ở việc trao đổi thông tin, mà còn thúc đẩy quá trình tự đào sâu nghiên cứu, cho phép sinh viên phân tích, tái cấu trúc các nguyên tắc và xây dựng khung nhận thức vững chắc thông qua việc trực tiếp đối mặt với các vấn đề [4]; [5]. Trong bối cảnh giáo dục hiện đại, seminar đóng vai trò thiết yếu trong việc mô phỏng tư duy và phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, đồng thời thông qua sự tương tác đa chiều và sự hỗ trợ của công nghệ, người học có cơ hội hoàn thiện tư duy cá nhân, tự nhìn nhận thái độ, khắc phục các hiểu lầm và tích lũy kiến thức từ kinh nghiệm đa dạng của bạn học [6].

Giao tiếp liên văn hóa, được E.T. Hall [7] đặt nền móng với khái niệm “ngôn ngữ thâm lặng”, được định nghĩa là quá trình chia sẻ thông tin và tương tác giữa các cá nhân hoặc nhóm thuộc những phong văn hóa khác nhau. Đây không đơn thuần là sự trao đổi ký hiệu ngôn ngữ, mà là một hoạt động phức tạp bao gồm nhận thức, hành vi và cảm xúc, trong đó các chủ thể thương lượng ý nghĩa thông qua sự va chạm của các hệ thống biểu tượng, giá trị và niềm tin [8]. Giao tiếp liên văn hóa diễn ra khi các hệ thống biểu nghĩa, giá trị, niềm tin và chuẩn mực của các nền văn hóa khác nhau va chạm và tương tác với nhau. Do đó, sự khác biệt văn hóa có thể dẫn đến hiểu lầm, xung đột hoặc thất bại trong giao tiếp nếu không được nhận diện và điều chỉnh phù hợp [9].

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu đề ra, nghiên cứu sử dụng phương pháp kết hợp giữa định lượng và định tính thông qua các công cụ và quy trình cụ thể sau:

Nghiên cứu tiến hành khảo sát với đối tượng là sinh viên hệ chính quy của năm 2, năm 3 và năm 4 thuộc Khoa

Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc đã hoàn thành hoặc đang trực tiếp tham gia học phần “Seminar liên văn hóa Việt Nam - Hàn Quốc” ở học kỳ I của các năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026. Tổng số phiếu khảo sát là 83 phiếu. Thời gian tiến hành khảo sát từ 02/2/2026 – 23/2/2026.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi trực tuyến nhằm lượng hóa các ý kiến của sinh viên. Khảo sát tập trung vào 3 nội dung đánh giá chính: nội dung chương trình đào tạo; phương pháp tổ chức dạy học; và hiệu quả bồi dưỡng năng lực. Cấu trúc khảo sát này được xây dựng dựa trên mô hình Giáo dục dựa trên Chuẩn đầu ra (Outcome-Based Education - OBE). Theo các nghiên cứu cập nhật về quản lý giáo dục [10], trọng tâm của giáo dục đại học hiện đại là kết quả đầu ra, tức là người học đạt được những năng lực thực tiễn nào sau khi kết thúc môn học. Do đó, để đánh giá chất lượng giảng dạy của học phần “Seminar liên văn hóa Việt Nam – Hàn Quốc”, khảo sát được thiết kế nhằm kiểm tra nội dung giảng dạy và phương pháp tổ chức lớp học hiện tại có đang hỗ trợ hiệu quả cho việc hình thành năng lực (chuẩn đầu ra) của sinh viên hay không.

Về phương pháp xử lý dữ liệu, kết quả định lượng được tổng hợp tự động qua công cụ phân tích của nền tảng Google Forms. Nghiên cứu áp dụng phương pháp thống kê mô tả, cụ thể là tính toán tần số và tỷ lệ phần trăm (%) cho các câu trả lời để làm rõ mức độ hài lòng và xu hướng đánh giá của sinh viên.

3. Thực trạng giảng dạy và học tập

3.1. Tổng quan về học phần:

Học phần “Seminar liên văn hóa Việt Nam – Hàn Quốc” là môn học tự chọn với khối lượng 02 tín chỉ, được thiết kế dành cho sinh viên năm thứ hai (Học kỳ IV) thuộc chuyên ngành tiếng Hàn được đưa vào áp dụng kể từ năm học 2023-2024. Đây là giai đoạn người học đã tích lũy được nền tảng Tiếng Hàn khá vững chắc, đáp ứng yêu cầu tiên quyết về khả năng đọc hiểu và nghiên cứu tài liệu chuyên sâu trực tiếp bằng tiếng Hàn. Do đây là một học phần tự chọn nên quy mô lớp học không duy trì ở một sĩ số cố định mà có sự biến động nhất định qua các năm. Cụ thể, học phần “Seminar liên văn hoá Việt Nam – Hàn Quốc” đã được đưa vào giảng dạy lần đầu tiên ở năm học 2023-2024. Ở năm học 2023-2024 này, lớp học có 28 sinh viên đăng ký; con số này tăng lên 37 sinh viên vào năm 2024-2025, và ở năm học 2025-2026 lại giảm xuống còn 18 sinh viên. Mặc dù có sự dao động, mức sĩ số từ 18 đến xấp xỉ 40 sinh viên nhìn chung vẫn là quy mô tương đối phù hợp đối với đặc thù của một lớp học tiến hành theo hình thức seminar. Thực tế này một mặt đòi hỏi giảng viên phải linh hoạt điều chỉnh kỹ năng quản lý lớp và cách thức chia nhóm thảo luận tùy theo từng năm học; mặt khác, về cơ bản vẫn phải đảm bảo được không gian để triển khai các phương pháp dạy học tích cực và duy trì sự tương tác giữa người dạy và người học.

Về phương thức hoạt động, lớp học được tổ chức theo mô hình làm việc nhóm nhỏ, từ 3 đến 4 sinh viên mỗi nhóm. Trong tiến trình 15 tuần theo chương trình đào tạo, mỗi nhóm được giao nhiệm vụ chủ trì, thiết kế và điều phối thực hiện 02 buổi seminar chuyên đề.

Về phương pháp tiếp cận, học phần chuyển dịch từ mô hình truyền thụ kiến thức một chiều sang hình thức thảo luận chuyên đề (Seminar). Cấu trúc nội dung được xây dựng hệ thống, bao quát từ các vấn đề tổng quan như vị thế quốc gia, đặc điểm địa lý - khí hậu, lịch sử chữ viết, đến các khía cạnh trong đời sống xã hội như cấu trúc gia đình, nghi lễ vòng đời, và văn hóa vật chất (trang phục, âm thực, kiến trúc...) được phân bố đều trong 15 tuần học.

Bảng 1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần
(đã rà soát và thay đổi từ Học kỳ II năm học 2024-2025)

| Tuần/Buổi | Nội dung chi tiết |
|-----------|---|
| 1 | Tổng quan về Seminar và các quy trình thực hiện Seminar hiệu quả |
| 2 | Vị thế của Việt Nam – Hàn Quốc trên thế giới |
| 3 | Những nét đặc trưng của Việt Nam – Hàn Quốc |
| 4 | Đặc điểm dân tộc và lịch sử hình thành và phát triển chữ viết của Việt Nam – Hàn Quốc |
| 5 | Đặc điểm địa lý và khí hậu, tự nhiên và con người của Việt Nam – Hàn Quốc |
| 6 | Các khu vực hành chính và dân số, đặc điểm về gia đình Việt Nam – Hàn Quốc (1) |
| 7 | Đặc điểm về gia đình (2), mối quan hệ và lễ nghi trong gia đình Việt Nam – Hàn Quốc |
| 8 | Đặc điểm các ngày lễ trong gia đình Việt Nam – Hàn Quốc (thôi nôi, kết hôn, mừng thọ, ngày giỗ,...) |
| 9 | Đánh giá giữa kì |
| 10 | Đặc trưng con người, sự hình thành và phát triển trang phục Hanbok – Áo dài |
| 11 | Đặc trưng của cơm và canh trong văn hóa Việt Nam – Hàn Quốc |
| 12 | Đặc trưng bàn ăn và các nghi lễ trên bàn ăn Việt Nam – Hàn Quốc |
| 13 | Đặc trưng thực phẩm lên men và rượu |
| 14 | Đặc trưng nhà truyền thống của Việt Nam – Hàn Quốc |
| 15 | Đặc trưng các ngày lễ và lễ hội dân gian Việt Nam – Hàn Quốc |

3.2. Thực trạng giảng dạy

Các nội dung đánh giá về thực trạng giảng dạy được trình bày trong phần này là các ý kiến đánh giá của nhóm tác giả được rút ra từ quá trình giảng dạy thực tế học phần “Seminar liên văn hoá Việt Nam – Hàn Quốc” trong 03 năm học 2023-2024, 2024-2025, 2025-2026.

Dựa trên đề cương chi tiết của học phần đã được xây dựng, học phần “Seminar liên văn hoá Việt Nam - Hàn Quốc” hiện đang được vận dụng kết hợp nhiều phương pháp dạy học khác nhau để đạt được mục tiêu của bài học. Nhóm phương pháp Giải thích cụ thể và Thuyết giảng giữ vai trò nền tảng trong việc cung cấp cơ sở lý thuyết, các khái niệm về văn hoá, giải thích và phân tích những vấn đề văn hoá chuyên sâu. Các phương pháp này chiếm ưu thế trong khoảng 1-2 tuần đầu để sinh viên có thể làm quen được với tài liệu cũng như nhịp độ giảng dạy. Trong các tuần tiếp theo, giảng viên cũng chủ động điều chỉnh tăng lượng thời gian cho sinh viên trong hoạt động tự vận dụng tư duy để tìm hiểu vấn đề. Tuy nhiên do sự hạn chế về thời gian giảng dạy nên để có thể truyền tải được đầy đủ nội

dung bài học thì vẫn có những tiết học, thời lượng giảng viên áp dụng nhóm phương pháp Giải thích cụ thể và Thuyết giảng chiếm tỷ trọng nhiều hơn so với các phương pháp còn lại.

Các nhóm phương pháp đưa ra Câu hỏi gợi mở, Tranh luận, Thảo luận, Dạy - học tương tác cũng được áp dụng xen kẽ trong quá trình giảng dạy. Điều này bước đầu tạo môi trường học tập chủ động, khuyến khích sinh viên thể hiện ý kiến của bản thân. Tuy nhiên, trên thực tế, mức độ tham gia vào các hoạt động thảo luận, tương tác của sinh viên chưa đồng đều. Một bộ phận sinh viên trong lớp vẫn có xu hướng lệ thuộc vào tài liệu sẵn có, thiếu tính chủ động trong việc tìm hiểu vấn đề nên trong giờ học vẫn còn thụ động.

Ngoài ra, phương pháp Thực hành cũng được áp dụng trong học phần và được chủ yếu được triển khai thông qua các nhiệm vụ trình bày seminar, xây dựng báo cáo nhóm hoặc phân tích tình huống giao tiếp liên văn hoá. Đây là điểm mạnh của học phần vì giúp sinh viên vận dụng kiến thức vào tình huống cụ thể. Tuy vậy, hình thức thực hành hiện nay phần lớn vẫn dừng ở trình bày nội dung, chưa phát triển thành nhiều tình huống mô phỏng thực tế đa dạng để tăng cường trải nghiệm cho người học.

Bên cạnh phương pháp giảng dạy, thực trạng giáo trình và tài liệu học tập của học phần cũng có một số hạn chế nhất định ảnh hưởng tới quá trình tìm hiểu thông tin liên quan đến nội dung bài học. Hiện nay, học phần chưa có giáo trình chuyên biệt được biên soạn riêng cho nội dung “Seminar liên văn hoá Việt Nam – Hàn Quốc”, mà chủ yếu dựa vào tài liệu tổng hợp từ nhiều nguồn khác nhau như bài báo học thuật, tài liệu tham khảo tiếng Hàn. Hệ thống tài liệu tiếng Việt còn tương đối hạn chế, thiếu các công trình phân tích chuyên sâu về sự khác biệt văn hoá Việt – Hàn trong bối cảnh đương đại.

3.3. Thực trạng học tập

Kết quả khảo sát từ thang đo Likert 5 mức độ cho thấy sinh viên có sự đánh giá rất tích cực đối với học phần “Seminar Liên văn hoá Việt Nam – Hàn Quốc” trên cả ba khía cạnh: nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy và hiệu quả bồi dưỡng năng lực.

Về nội dung chương trình đào tạo, phần lớn người học ghi nhận tính thực tiễn và chiều sâu học thuật của các chuyên đề. Cụ thể, có tới 86,7% sinh viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý rằng nội dung học phần bám sát thực tiễn văn hóa - xã hội hiện nay của hai quốc gia. Đồng thời, 93,4% người học khẳng định các chuyên đề đã đi sâu vào đặc trưng văn hóa, giúp họ nhận diện rõ đặc trưng văn hoá Việt Nam và Hàn Quốc. Đáng chú ý, sự phân bố giữa khối lượng kiến thức lý thuyết và các bài tập thực hành/thảo luận nhận được sự đồng thuận tuyệt đối với 100% đánh giá tích cực (trong đó 60% hoàn toàn đồng ý). Tuy nhiên, hệ thống học liệu lại là một điểm đáng lưu tâm. Mặc dù có 66,7% sinh viên đánh giá cao sự phong phú của tài liệu, song vẫn có tới 26,7% sinh viên bày tỏ sự không đồng ý đối với tính cập nhật và khả năng hỗ trợ tự nghiên cứu của nguồn tài liệu này.

Về phương pháp tổ chức dạy học, các số liệu khảo sát phản ánh sự thành công của giảng viên trong việc tạo ra

môi trường học tập tương tác và lắng người học làm trung tâm. Mức độ hài lòng đạt tỷ lệ tuyệt đối (100% đồng ý và hoàn toàn đồng ý) ở các tiêu chí: tính linh hoạt trong phương pháp giảng dạy, tính phù hợp của hình thức kiểm tra đánh giá, và hiệu quả của các hoạt động rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm. Môi trường lớp học được 93,4% sinh viên đánh giá là cởi mở, có khả năng khuyến khích tư duy phản biện. Bên cạnh đó, vai trò định hướng của giảng viên cũng được khắc họa rõ nét khi có 86,6% sinh viên đánh giá cao những phân hồi đi vào trọng tâm vấn đề của giảng viên sau mỗi buổi thảo luận, giúp họ mở rộng góc nhìn và hiểu sâu hơn vấn đề.

Về hiệu quả bồi dưỡng năng lực người học, có thể nhận xét rằng, học phần đã hoàn thành tốt mục tiêu nền tảng khi 93,3% sinh viên xác nhận sự cải thiện rõ rệt về độ nhạy cảm văn hóa và sự tôn trọng tính đa dạng. Sự tự tin trong giao tiếp và ứng xử với người Hàn Quốc cũng ghi nhận mức tăng đáng kể với 93,4% ý kiến đồng thuận. Tuy nhiên, khi đánh giá ở các bậc nhận thức và vận dụng cao hơn – chẳng hạn như khả năng giải quyết các tình huống xung đột văn hóa hoặc mức độ trang bị kiến thức hỗ trợ cho môi trường làm việc doanh nghiệp – kết quả bắt đầu cho thấy sự phân hóa. Tỷ lệ sinh viên lựa chọn phương án "Phân vân" ở hai tiêu chí này tăng lên mức 26,7%. Điều này có thể thấy rằng, mặc dù sinh viên đã được trang bị tốt về mặt nhận thức nhưng vẫn cần thêm những kỹ năng giải quyết vấn đề thực tế hơn để xử lý các vấn đề phát sinh trong môi trường nghề nghiệp thực tế.

Để làm rõ hơn những con số thống kê ở trên, việc phân tích các câu trả lời mở của sinh viên đã cung cấp những thông tin cụ thể về những rào cản và kỳ vọng thực tế trong quá trình học tập.

Về những ưu điểm nổi bật, các phản hồi định tính cho thấy học phần đã tạo ra không gian để sinh viên chủ động khám phá tri thức. Người học đánh giá cao việc được "chủ động lựa chọn đề tài phát biểu", giúp họ cảm thấy có trách nhiệm và hứng thú hơn với bài học. Khối lượng kiến thức truyền tải được mô tả là "phong phú" và "sâu sắc", đặc biệt là các khía cạnh liên quan đến lịch sử và phong tục truyền thống, giúp sinh viên có cái nhìn đối sánh đa chiều hơn.

Về những khó khăn về rào cản ngôn ngữ và sự thiếu hụt học liệu là hai vấn đề được đề cập nhiều nhất, trực tiếp lý giải cho tỷ lệ 26,7% sinh viên không hài lòng về tài liệu trong phần khảo sát. Người học cho rằng tài liệu tiếng Hàn "quá khó" để tự đọc hiểu, trong khi nguồn tài liệu tiếng Việt tham khảo lại "còn ít" và "khó tìm". Sự hạn chế này đôi khi tạo ra tâm lý sợ sai cho sinh viên khi tiến hành thu thập thông tin và hình ảnh cho bài thuyết trình. Ngoài ra, sinh viên còn nhận xét rằng nội dung chương trình thiên nhiều về văn hóa truyền thống, thiếu sự đề cập tới các vấn đề văn hóa hiện đại ngày nay. Thời lượng dành cho thảo luận cũng được phản ánh là còn hạn chế.

Về các đề xuất cải tiến, dựa trên những khó khăn đã trải qua, sinh viên đưa ra một số kiến nghị mang tính xây dựng cao nhằm hoàn thiện học phần.

Thứ nhất, người học mong muốn chuyển dịch một phần thời lượng thuyết trình sang hình thức "tranh biện về một chủ đề cụ thể" nhằm nâng cao tư duy phản biện. Thứ hai, sự đòi hỏi về tính ứng dụng nghề nghiệp được thể hiện qua

nguyện vọng bổ sung các nội dung về văn hóa doanh nghiệp Hàn Quốc. Cuối cùng, sinh viên đề xuất giảng viên cần có sự giới thiệu, định hướng chi tiết hơn về các nguồn tài liệu tin cậy để hỗ trợ quá trình nghiên cứu tự học, đồng thời tăng cường các hoạt động trải nghiệm văn hóa trực tiếp trong quá trình học.

3.4. Đánh giá chung

Qua khảo sát và phân tích thực tiễn giảng dạy 03 năm qua, học phần "Seminar liên văn hóa Việt Nam – Hàn Quốc" đã thể hiện những ưu điểm thể hiện qua ba yếu tố: chương trình, giảng viên và người học. Về cấu trúc chương trình, nội dung đào tạo được đánh giá là có thiết kế bài bản, khoa học, không chỉ dừng lại ở các kiến thức nền tảng mà còn liên tục cập nhật các chủ đề văn hóa đương đại, đảm bảo tính thời sự và thực tiễn cho bài giảng. Yếu tố này được thực hiện bởi đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn, đã qua quá trình tu nghiệp và nghiên cứu thực tế tại Hàn Quốc. Bên cạnh đó, chất lượng người học cũng là một điểm tích cực đáng chú ý. Với nền tảng đầu vào tốt và niềm đam mê sâu sắc đối với văn hóa Hàn Quốc, sinh viên đã thể hiện khả năng tiếp thu nhạy bén và thái độ chủ động trong các hoạt động thảo luận học thuật.

Bên cạnh những kết quả tích cực, quá trình tổ chức giảng dạy và học tập học phần "Seminar liên văn hóa Việt Nam – Hàn Quốc" vẫn tồn tại một số bất cập cần được khắc phục.

Thứ nhất, về người học, mặc dù sinh viên có thái độ học tập tích cực, song kỹ năng tư duy phản biện và năng lực tranh biện học thuật vẫn còn nhiều hạn chế. Trong quá trình tham gia học tập, sinh viên cũng đã thể hiện sự chủ động cao trong các khâu chuẩn bị, đặc biệt là khi được trao quyền tự chọn đề tài thuyết trình. Tuy nhiên, sự chủ động này chưa đồng đều. Tâm lý e ngại mắc lỗi khiến sinh viên trở nên thụ động khi tham gia thảo luận các chủ đề trừu tượng như chính trị, tư tưởng hay các vấn đề xã hội phức tạp. Đáng chú ý, một bộ phận sinh viên bộc lộ sự thiếu hụt về kiến thức nền tảng văn hóa bản địa, cụ thể là văn hóa Việt Nam. Lỗ hổng kiến thức này dẫn đến việc thực hiện các nghiên cứu so sánh, đối chiếu với văn hóa Hàn Quốc đôi khi còn hời hợt, thiếu chiều sâu và chưa làm nổi bật được bản sắc riêng biệt của từng quốc gia.

Thứ hai, về phương pháp giảng dạy và đánh giá, mặc dù kết quả khảo sát cho thấy sinh viên rất hài lòng với sự phân bổ thời lượng (đạt mức 100%), tuy nhiên dưới góc độ chuyên môn, công tác tổ chức giảng dạy vẫn đang chịu áp lực lớn về thời gian. Phương pháp giảng dạy của giảng viên đôi khi chưa thoát hoàn toàn khỏi hình thức thuyết giảng truyền thống, làm giảm thời gian dành cho hoạt động thảo luận và tương tác với người học. Bên cạnh đó, công tác kiểm tra đánh giá hiện tại chủ yếu dựa trên kết quả làm việc nhóm/bài thuyết trình chung, chưa xây dựng được bộ tiêu chí định lượng cụ thể để đánh giá năng lực tư duy độc lập và kỹ năng phản biện của từng cá nhân trong quá trình thực hiện. Bên cạnh đó, mặc dù học phần đã thành công trong việc tạo ra một không khí cởi mở, khuyến khích tư duy đa chiều (theo đánh giá của 93,4% sinh viên), nhưng trên thực tế giảng dạy, việc chia sẻ các ý kiến cá nhân của sinh viên về một vấn đề nào đó vẫn còn e dè, chưa thoải mái.

Cuối cùng chính là hệ thống học liệu, nguồn tài liệu phục vụ môn học hiện nay đang trong tình trạng khan hiếm các tài liệu song ngữ chuyên sâu, gây khó khăn cho sinh viên trong việc tiếp cận các thuật ngữ chuyên ngành. Ngoài ra, một số nội dung trong tài liệu tham khảo chưa cập nhật kịp thời các xu hướng văn hóa - xã hội mới, làm giảm tính thời sự của bài giảng. Để khắc phục điều này, giảng viên cũng đã có nhiều nỗ lực lồng ghép các chủ đề văn hóa đương đại vào bài giảng. Tuy nhiên, do rào cản về hệ thống học liệu nên thời lượng dành cho các vấn đề văn hóa hiện đại đôi khi chưa đáp ứng trọn vẹn được nhu cầu tìm hiểu của người học.

4. Kiến nghị về giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học

Để học phần “Seminar liên văn hoá Việt Nam - Hàn Quốc” có thể giúp được người học nâng cao hơn các kiến thức về văn hoá, giao tiếp liên văn hoá cũng như các kỹ năng liên quan đến thuyết trình, tranh luận và phản biện, trong nghiên cứu này nhóm tác giả đưa ra các kiến nghị về giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học như sau:

4.1. Cập nhật mới nội dung và phương pháp giảng dạy

4.1.1. Về nội dung chương trình học

Trên thực tế, tính linh hoạt và sự cập nhật của học phần đã luôn được chú trọng. Cụ thể, ngay sau đợt triển khai giảng dạy lần đầu tiên vào năm học 2023-2024, giảng viên phụ trách đã chủ động tiến hành rà soát tổng thể, đánh giá hiệu quả và thực hiện đổi mới nội dung đề cương giảng dạy. Việc này thể hiện nỗ lực liên tục của đội ngũ giảng viên trong việc bám sát thực tiễn để mang lại những kiến thức mang tính thời sự cho sinh viên. Bên cạnh các chuyên đề về văn hoá truyền thống, chương trình học sẽ cần cập nhật thêm các chủ đề về văn hoá đương đại như văn hoá doanh nghiệp - công sở Hàn Quốc, văn hoá giao tiếp trên nền tảng số (Kakao talk, Zalo, Email). Điều này sẽ giúp người học tiếp nhận văn hoá một cách thực tế hơn, hỗ trợ người học rèn luyện thêm các kỹ năng giao tiếp, ứng xử trong môi trường làm việc tại các doanh nghiệp Hàn Quốc sau này.

Thêm vào đó, chương trình học hiện tại đang thiên về việc nhận diện và chỉ ra các yếu tố khác biệt văn hoá giữa Việt Nam và Hàn Quốc, nhưng chưa đi sâu vào cơ chế hình thành những xung đột hay hiểu lầm liên văn hoá, cũng như cách thức giải quyết các xung đột đó. Vì vậy, trong thời gian tới, nội dung liên quan đến việc phân tích tình huống thực tế và kỹ năng xử lý xung đột văn hoá cần được đưa vào giảng dạy một cách cụ thể và có hệ thống hơn.

4.1.2. Về phương pháp giảng dạy

Thứ nhất, áp dụng triệt để Mô hình Lớp học đảo ngược (Flipped Classroom) để tối ưu hóa thời lượng và tăng cường tính chủ động của người học. Theo định nghĩa của J. Bergmann and A. Sams [11], mô hình Flipped Classroom làm đảo lộn cấu trúc sự phạm truyền thống bằng cách chuyển giao việc tiếp thu kiến thức nền tảng (như đọc tài liệu, xem video bài giảng) ra ngoài không gian lớp học, nhường chỗ cho các hoạt động học tập tương tác bậc cao trong giờ học. Đối với học phần này, việc áp dụng mô hình này là giải pháp thiết thực để giải quyết áp lực về thời lượng chương trình. Thay vì dành phần lớn

thời gian trên lớp để giảng viên thuyết giảng lý thuyết, sinh viên sẽ chủ động tự nghiên cứu các khái niệm văn hóa cốt lõi tại nhà thông qua hệ thống học liệu trực tuyến (LMS). Thời gian trên lớp sẽ được tối đa hóa cho các hoạt động thảo luận nhóm, phân tích tình huống và thực hành giải quyết các xung đột văn hóa.

Thứ hai, tăng cường trải nghiệm thực tiễn thông qua việc gắn kết với mạng lưới các tổ chức văn hóa, giáo dục Hàn Quốc. Để thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết sách vở và thực tiễn, việc mời các chuyên gia văn hóa Hàn Quốc đến giao lưu, thuyết giảng là vô cùng cần thiết. Cụ thể, Khoa có thể chủ động phối hợp với các tổ chức như Cơ quan Hợp tác Quốc tế Hàn Quốc (KOICA), Quỹ Giao lưu Quốc tế Hàn Quốc (Korea Foundation - KF), hay Học viện King Sejong, Trung tâm Văn hóa Hàn Quốc (KCC), v.v.. Đặc biệt, việc tận dụng sự hỗ trợ chuyên môn từ các chuyên gia bản xứ hoặc mạng lưới tình nguyện viên KOICA trực tiếp tham gia vào các buổi học chuyên đề sẽ mang lại những góc nhìn chân thực, cập nhật nhất về xã hội Hàn Quốc đương đại. Hoạt động này vừa giúp cung cấp tri thức, vừa tạo ra một môi trường giao tiếp liên văn hoá trực tiếp cho sinh viên. Bên cạnh sự hỗ trợ về mặt nhân lực, các tổ chức còn đóng vai trò quan trọng trong việc tài trợ hoặc cung cấp các giáo cụ trực quan phục vụ công tác giảng dạy. Nhờ nguồn lực này, giảng viên có thể lồng ghép trực tiếp các hoạt động trải nghiệm văn hóa vật chất ngay tại không gian lớp học, chẳng hạn như: thực hành mặc trang phục truyền thống Hanbok, lắp ráp mô hình thủ công nhà Hanok, v.v..

4.2. Hỗ trợ nguồn học liệu và kiểm tra đánh giá

Thứ nhất, chú trọng trang bị năng lực tổng hợp thông tin và kỹ năng tra cứu học thuật nhằm thúc đẩy tính tự chủ của người học. Như kết quả khảo sát đã chỉ ra, rào cản lớn nhất của sinh viên hiện nay là sự e ngại, thiếu tự tin khi tiếp cận nguồn tài liệu tiếng Hàn và sự hạn chế của tài liệu tiếng Việt. Để khắc phục vấn đề này, thay vì chỉ cung cấp tài liệu sẵn có, giảng viên cần đóng vai trò là người hướng dẫn. Cụ thể, trong những tuần học đầu tiên, học phần cần dành một thời lượng nhất định để hướng dẫn cho sinh viên cách thức khai thác các cơ sở dữ liệu học thuật uy tín. Bên cạnh các công cụ phổ biến như Google Scholar, giảng viên cần đặc biệt hướng dẫn sinh viên làm quen với các hệ thống lưu trữ dữ liệu chuyên ngành của Hàn Quốc như RISS (Research Information Sharing Service), KISS (Koreanstudies Information Service System) hay DBpia. Việc hướng dẫn không chỉ dừng ở thao tác tìm kiếm cơ bản mà còn đi sâu vào kỹ năng lựa chọn từ khóa tiếng Hàn học thuật, cách sử dụng các cụm từ tìm kiếm và cách đánh giá độ tin cậy của nguồn trích dẫn.

Thứ hai, để giải quyết tình trạng sinh viên tham gia thảo luận chưa đồng đều cũng như giúp sinh viên có thể tự đánh giá nội dung phát biểu của nhóm mình và nhóm khác thì việc công khai các tiêu chí đánh giá là điều cần thiết. Giảng viên cần thiết kế và cung cấp một bộ công cụ đánh giá (Rubric) chi tiết cho bài thuyết trình và công bố rộng rãi đến toàn bộ sinh viên ngay từ đầu học kỳ. Rubric này cần được chia thành các trọng số cụ thể, bao gồm: nội dung văn hóa, năng lực phân tích liên văn hóa, kỹ năng trình bày, và đặc biệt là năng lực hỏi - đáp và tinh thần làm việc nhóm. Theo đó, trong các phiên seminar, các nhóm không thuyết

trình không còn đóng vai trò là những thính giả thụ động, mà bắt buộc phải trở thành các thành viên của hội đồng đánh giá. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, các nhóm sẽ sử dụng chính Rubric đã được công bố để chấm điểm và viết nhận xét cho nhóm đang trình bày. Việc tham gia trực tiếp vào quá trình đánh giá chéo sẽ tạo ra một áp lực tích cực, buộc sinh viên ở dưới lớp phải lắng nghe rồi đối chiếu nội dung nghe được với các tiêu chí trong Rubric.

4.3. Ứng dụng công nghệ vào các hoạt động lớp học

Để nâng cao chất lượng giảng dạy học phần này, việc đổi mới phương pháp và đa dạng hóa hình thức đánh giá là yêu cầu cần thiết.

Thứ nhất, cần đẩy mạnh việc sử dụng phần mềm hỗ trợ hoạt động dạy học, áp dụng ứng dụng công nghệ thông tin hoặc tạo group online thông qua các nền tảng quản lý học tập như MS Teams hoặc mạng xã hội quen thuộc như nhóm Zalo, Kakao Talk để cung cấp tài liệu đọc, video hoặc các bài báo liên quan đến chủ đề giúp sinh viên có thể thảo luận các vấn đề của giảng viên đưa ra trước giờ học. Điều này sẽ tăng tính tương tác giữa giảng viên và sinh viên cũng như giữa các sinh viên trong lớp với nhau.

Thứ hai, cần đa dạng hóa hình thức trình bày nội dung phát biểu cho sinh viên để tạo sự hứng thú trong quá trình học. Thay vì chỉ hướng dẫn sinh viên làm PowerPoint và phát biểu, có thể gợi ý và khuyến khích sinh viên ứng dụng phương tiện truyền thông số và công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) làm các đoạn phim ngắn so sánh văn hóa hay sử dụng các phần mềm AI để tạo video theo kịch bản nhằm làm sinh động hơn phần thuyết trình của nhóm.

5. Kết luận

Nghiên cứu này đã tiến hành đánh giá một cách hệ thống thực trạng dạy và học học phần “Seminar liên văn hóa Việt Nam – Hàn Quốc” tại Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng thông qua quá trình điều tra, khảo sát cụ thể. Kết quả nghiên cứu cho thấy, học phần đã bước đầu đạt được mục tiêu quan trọng trong việc bồi dưỡng năng lực liên văn hóa cho sinh viên chuyên ngành tiếng Hàn. Nội dung chương trình được xây dựng có tính hệ thống và phù hợp với trình độ người học, phương pháp tổ chức theo mô hình seminar đã tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên phát huy tính chủ động, rèn luyện kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm và

hình thành tư duy phân biện từ sớm. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng đã chỉ ra một số hạn chế cần được khắc phục trong quá trình giảng dạy, đồng thời cũng đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy và học học phần.

Tuy nhiên, nghiên cứu vẫn còn những hạn chế nhất định do phạm vi khảo sát chỉ giới hạn trong một cơ sở đào tạo và số lượng mẫu chưa lớn. Trong tương lai, các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng đối tượng khảo sát sang các doanh nghiệp Hàn Quốc đang tuyển dụng nguồn nhân lực là sinh viên chuyên ngành tiếng Hàn Quốc hoặc Hàn Quốc học, nhằm đánh giá sâu hơn mức độ đáp ứng của năng lực liên văn hóa đối với yêu cầu nghề nghiệp thực tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] T. T. Linh, “RoK's new-style public diplomacy”, *Vietnam Social Sciences*, no. 12, pp.34-43, 2022.
- [2] N. T. H. Xoan and C. Earl, “Camaraderie and conflict: Intercultural communication and workplace interactions in South Korean companies in Binh Duong Province, Vietnam”, *Journal of Asian and African Studies*, vol.55, no. 6, pp.832–847, 2020.
- [3] A. D. C. Jaarsma, W. S. de Grave, A. M. M. Muijtjens, A. J. J. A. Scherpbier, and P. van Beukelen, “Perceptions of learning as a function of seminar group factors”, *Medical Education*, vol. 42, no. 12, pp. 1178–1184, 2008.
- [4] R. G. Dennick and J. Spencer, “Teaching and learning in small groups”, *Medical Education: Theory and Practice*, 1st edition. Elsevier Ltd, 2011.
- [5] B. M. Dewsbury, A. Reid, and O. Weeks, “Confluence: A seminar series as a teaching tool”, *Journal of Microbiology & Biology Education*, vol. 14, no. 2, pp. 258–259, 2013.
- [6] N. P. Rana, Y. K. Dwivedi, E. L. Slade, and B. Lal, “CyberSlacking: Exploring students’ usage of internet-enabled devices for non-class related activities”, in *Proc. 22nd Americas Conf. on Information Systems (AMCIS)*, San Diego, CA, USA, 2016.
- [7] E. T. Hall, *Beyond Culture*. Doubleday, 1976.
- [8] S. Ishii, “Complementing contemporary intercultural communication research with East Asian sociocultural perspectives and practices”, *China Media Research*, vol. 2, no. 1, pp. 13–20, 2006.
- [9] L. A. Samovar, R. E. Porter, and E. R. McDaniel, *Intercultural Communication: A Reader*. Cengage Learning, 2013.
- [10] A. Khatun, R. S. Marufa, và F. F. Mouri, “Outcome-Based Education (OBE): An Empirical Analysis of the Challenges in Implementing OBE to Improve Quality Education,” *Asian Journal of Education and Social Studies*, vol. 50, no. 12, pp. 119-133, 2024.
- [11] J. Bergmann and A. Sams, *Flip Your Classroom: Reach Every Student in Every Class Every Day*. International Society for Technology in Education, 2012.